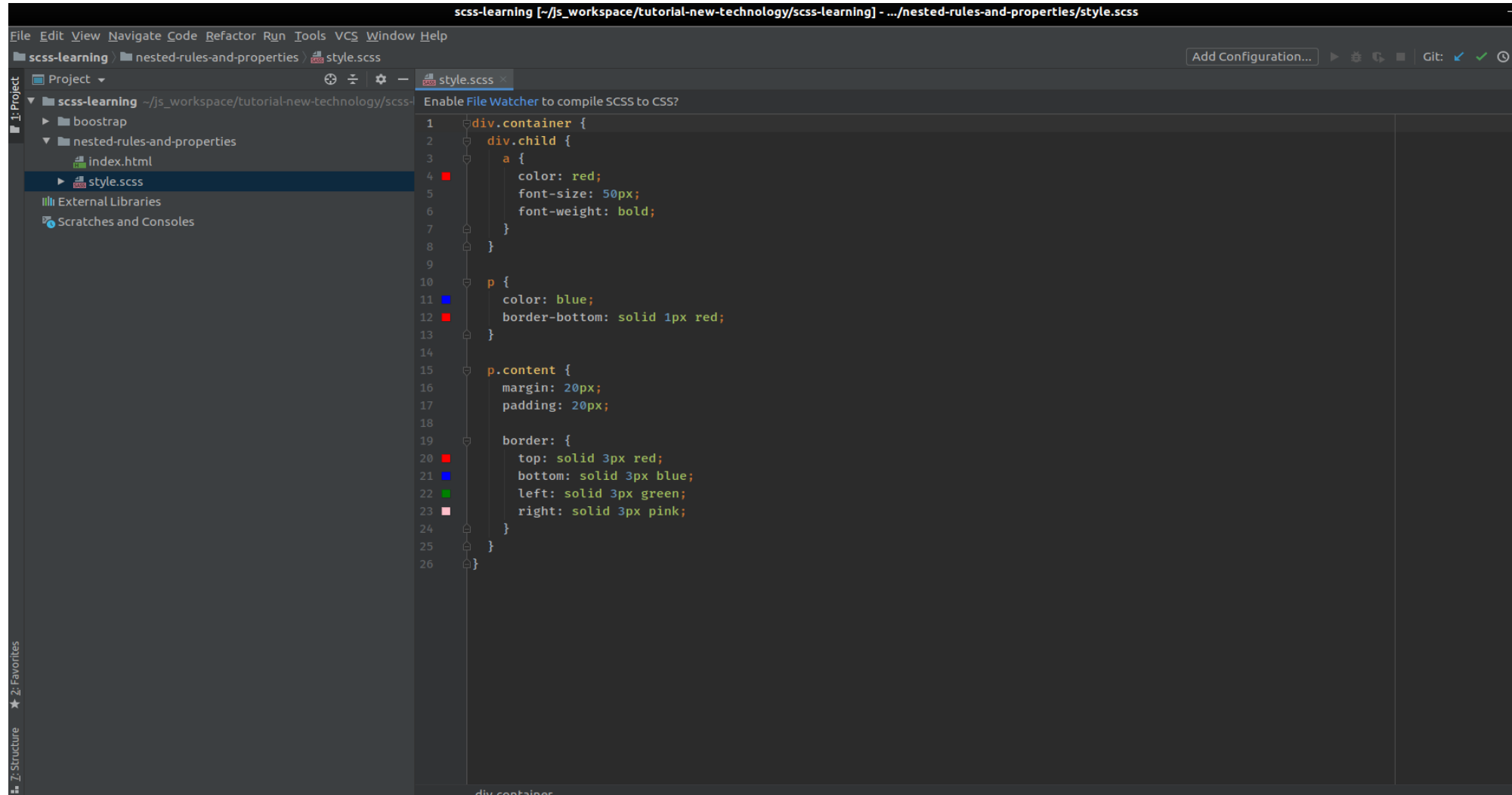


Scss tutorial

1. Cách dùng:

1.1 Tạo file (có định dạng .scss hoặc sass, tùy theo sở thích)



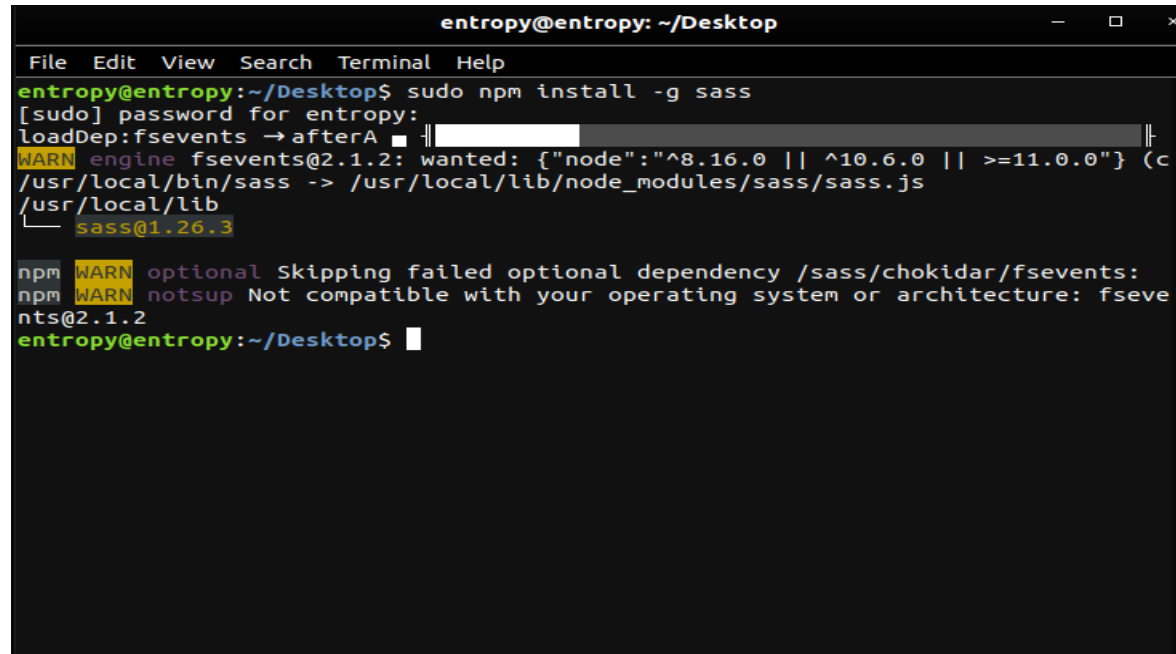
Scss tutorial

1. Cách dùng:

1.2 Gen file scss thành file css:

- Muốn vì project chỉ có thể hiểu định dạng css do đó cần phải gen file scss->css.
Dùng tool, hoặc dùng command line **sass** (tham khảo [install sass](#)). Nếu dùng command line, có thể cài với **npm** như sau:

npm install -g sass



```
entropy@entropy: ~/Desktop
File Edit View Search Terminal Help
entropy@entropy:~/Desktop$ sudo npm install -g sass
[sudo] password for entropy:
loadDep:fsevents -> afterA
WARN engine fsevents@2.1.2: wanted: {"node":"^8.16.0 || ^10.6.0 || >=11.0.0"} (c
/usr/local/bin/sass -> /usr/local/lib/node_modules/sass/sass.js
/usr/local/lib
└─ sass@1.26.3

npm WARN optional Skipping failed optional dependency /sass/chokidar/fsevents:
npm WARN notsup Not compatible with your operating system or architecture: fseve
nts@2.1.2
entropy@entropy:~/Desktop$
```

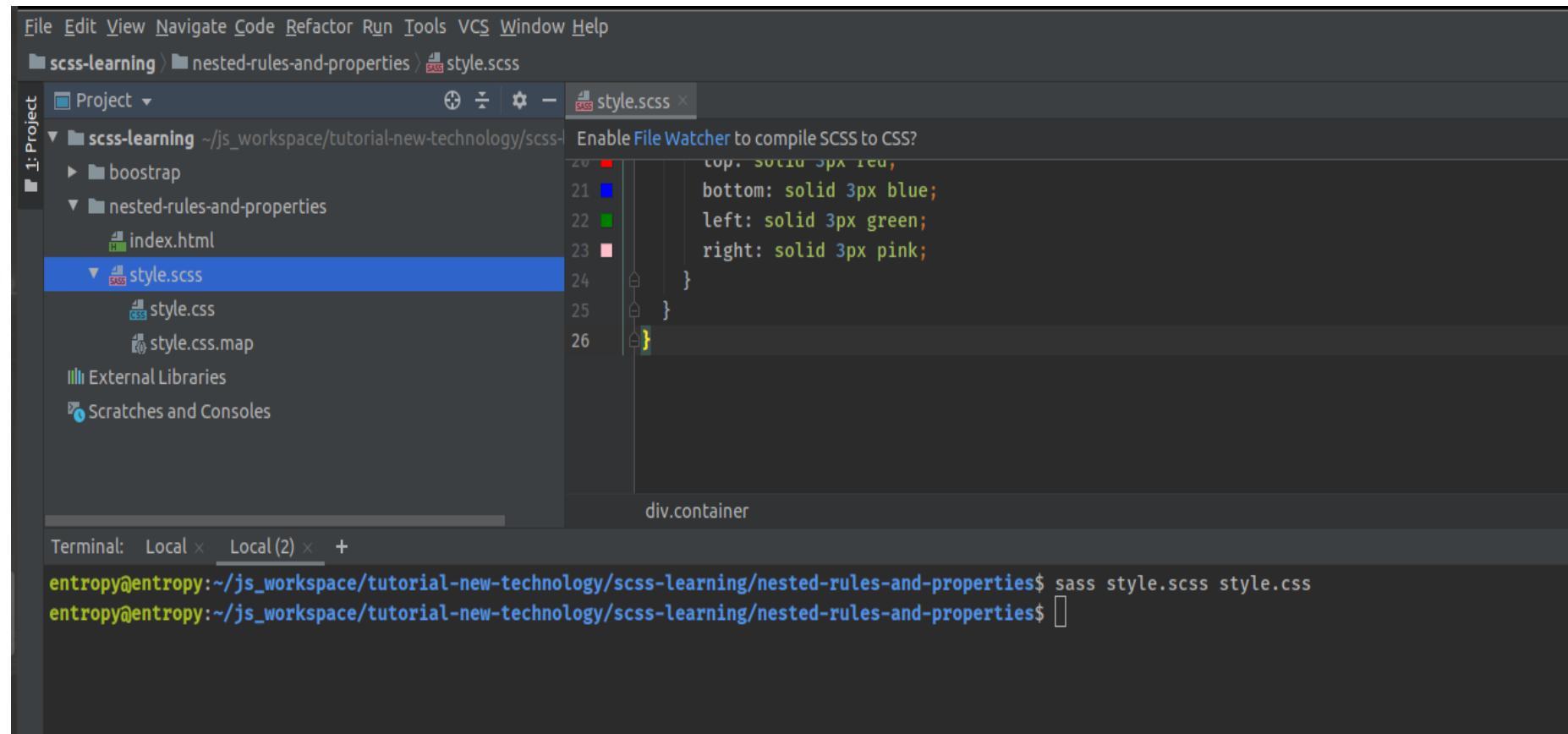
Scss tutorial

1. Cách dùng:

1.2 Gen file scss thành file css:

- cd tới local đặt file scss chạy lệnh sau để gen file css:

sass [name].scss [name].css

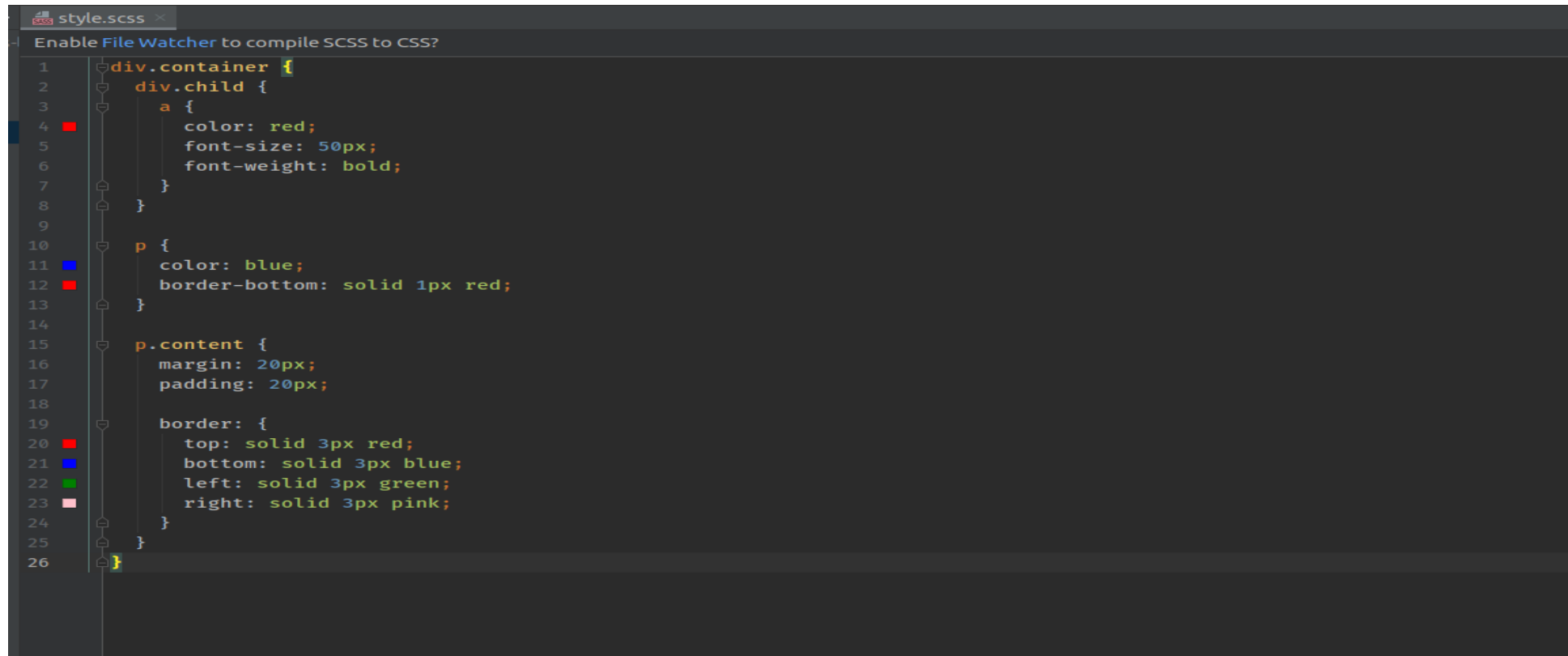


Scss tutorial

2. Cú pháp viết scss (Từ cơ bản đến phức tạp)

2.1. Phân cấp (nested -rules, properties):

- Phân cấp chính là thuộc tính cha viết ngoài bao lấy các thuộc tính con bên trong. VD: div.container là cha, bên trong có các con (div.child, p, p.content...), border là cha, bên trong có các con (top, bottom, left, right).



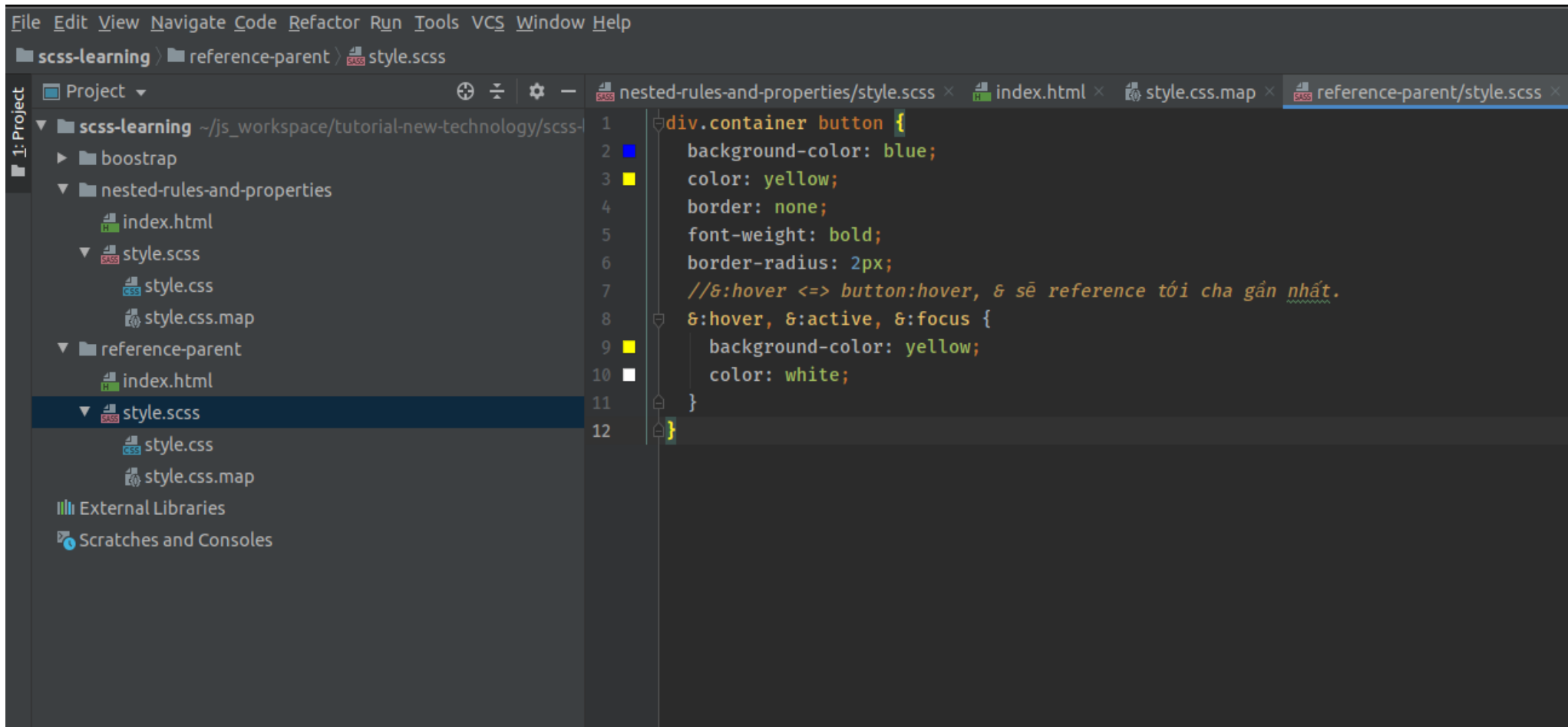
```
1  div.container {  
2    div.child {  
3      a {  
4        color: red;  
5        font-size: 50px;  
6        font-weight: bold;  
7      }  
8    }  
9  
10   p {  
11     color: blue;  
12     border-bottom: solid 1px red;  
13   }  
14  
15   p.content {  
16     margin: 20px;  
17     padding: 20px;  
18  
19     border: {  
20       top: solid 3px red;  
21       bottom: solid 3px blue;  
22       left: solid 3px green;  
23       right: solid 3px pink;  
24     }  
25   }  
26 }
```

Scss tutorial

2. Cú pháp viết scss (Từ cơ bản đến phức tạp)

2.2. Reference (reference tới phần tử cha):

- Sử dụng ký tự **&** nó sẽ reference tới phần tử cha gần nhất, ở đây **&** tương đương **button**



The screenshot shows an IDE with a project named 'scss-learning'. The file explorer on the left shows the project structure, including a 'reference-parent' folder containing 'style.scss'. The main editor displays the content of 'reference-parent/style.scss' with the following SCSS code:

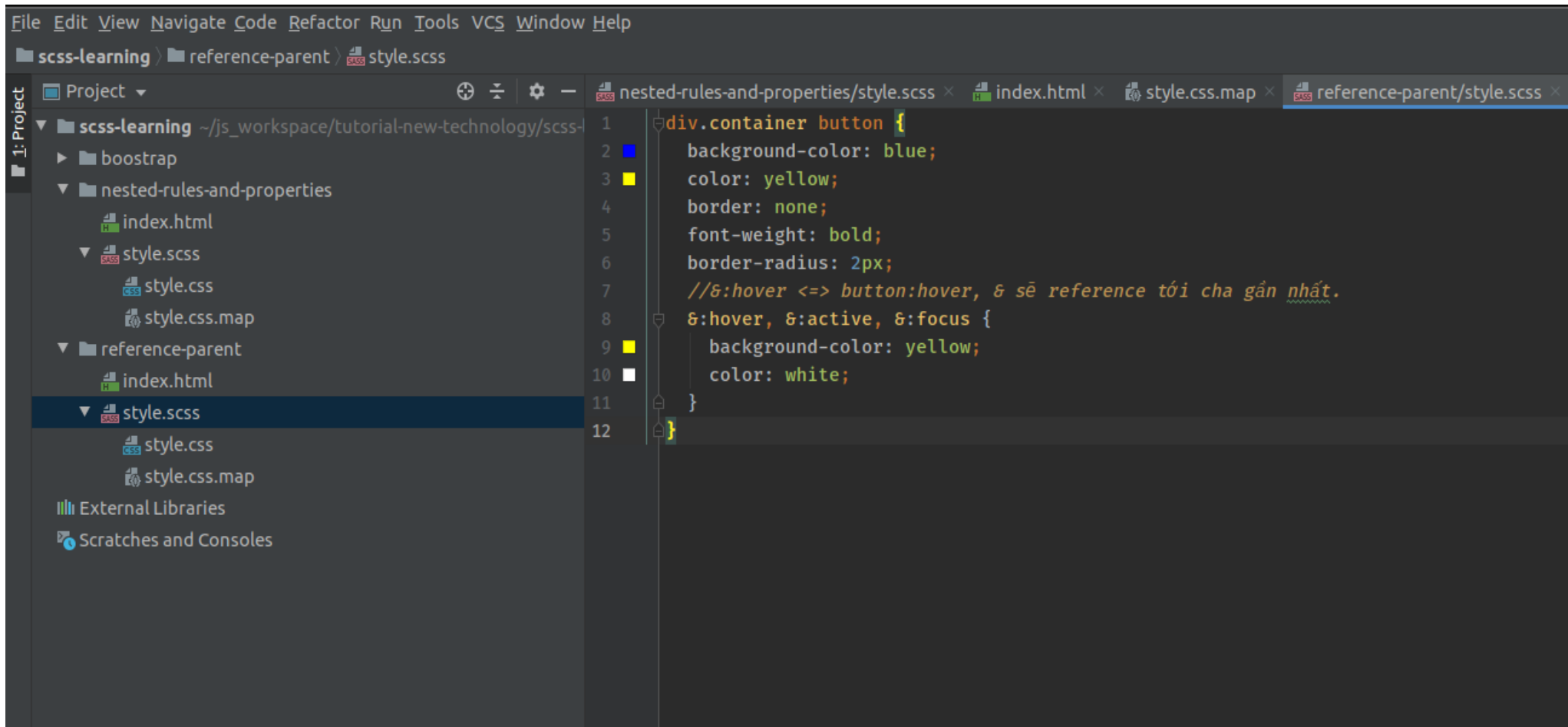
```
1 div.container button {  
2   background-color: blue;  
3   color: yellow;  
4   border: none;  
5   font-weight: bold;  
6   border-radius: 2px;  
7   //&:hover <=> button:hover, & sẽ reference tới cha gần nhất.  
8   &:hover, &:active, &:focus {  
9     background-color: yellow;  
10    color: white;  
11  }  
12 }
```

Scss tutorial

2. Cú pháp viết scss (Từ cơ bản đến phức tạp)

2.2. Reference (reference tới phần tử cha):

- Sử dụng ký tự **&** nó sẽ reference tới phần tử cha gần nhất, ở đây **&** tương đương **button**

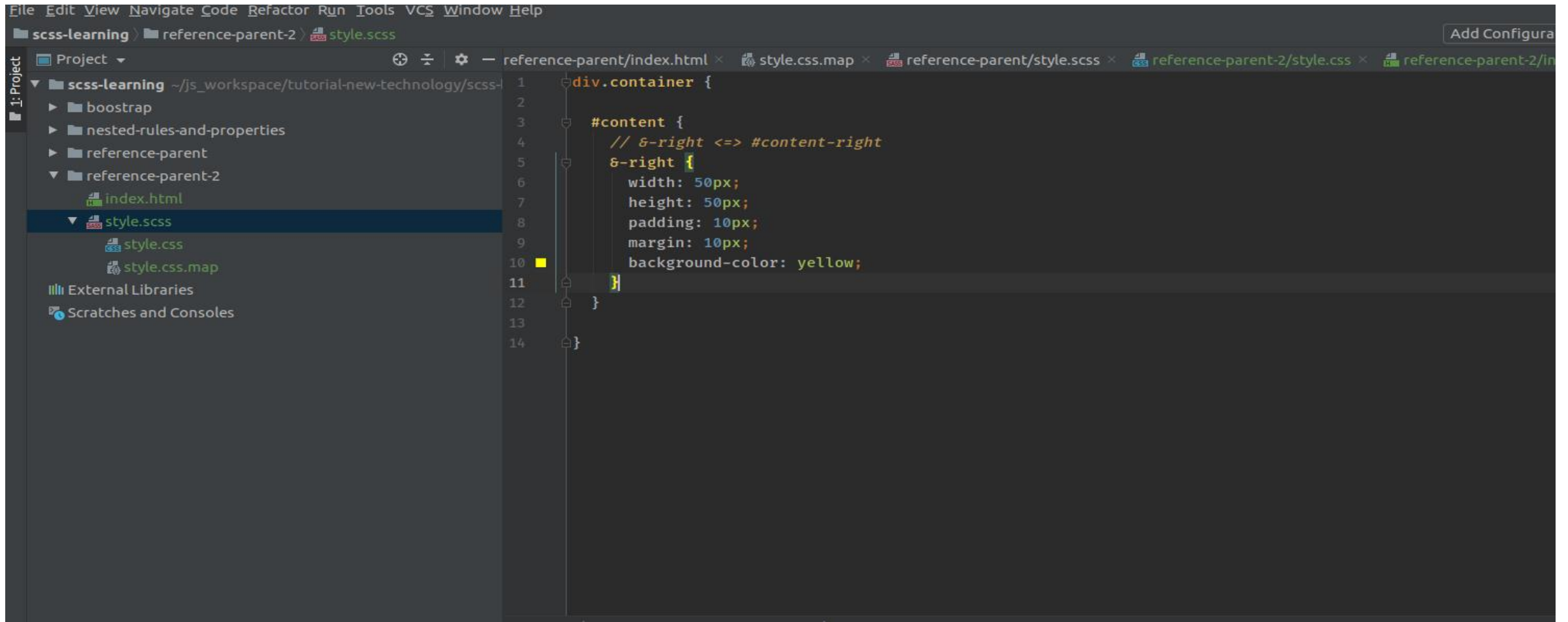


Scss tutorial

2. Cú pháp viết scss (Từ cơ bản đến phức tạp)

2.2. Reference (reference tới phần tử cha):

- Ở đây & tương đương **#content**



The screenshot shows a code editor with the following SCSS code:

```
1  div.container {  
2  
3      #content {  
4          // &-right <=> #content-right  
5          &-right {  
6              width: 50px;  
7              height: 50px;  
8              padding: 10px;  
9              margin: 10px;  
10             background-color: yellow;  
11         }  
12     }  
13  
14 }
```

The left sidebar shows a project structure with the following folders and files:

- scss-learning
 - bootstrap
 - nested-rules-and-properties
 - reference-parent
 - reference-parent-2
 - index.html
 - style.scss (selected)
 - style.css
 - style.css.map
- External Libraries
- Scratches and Consoles

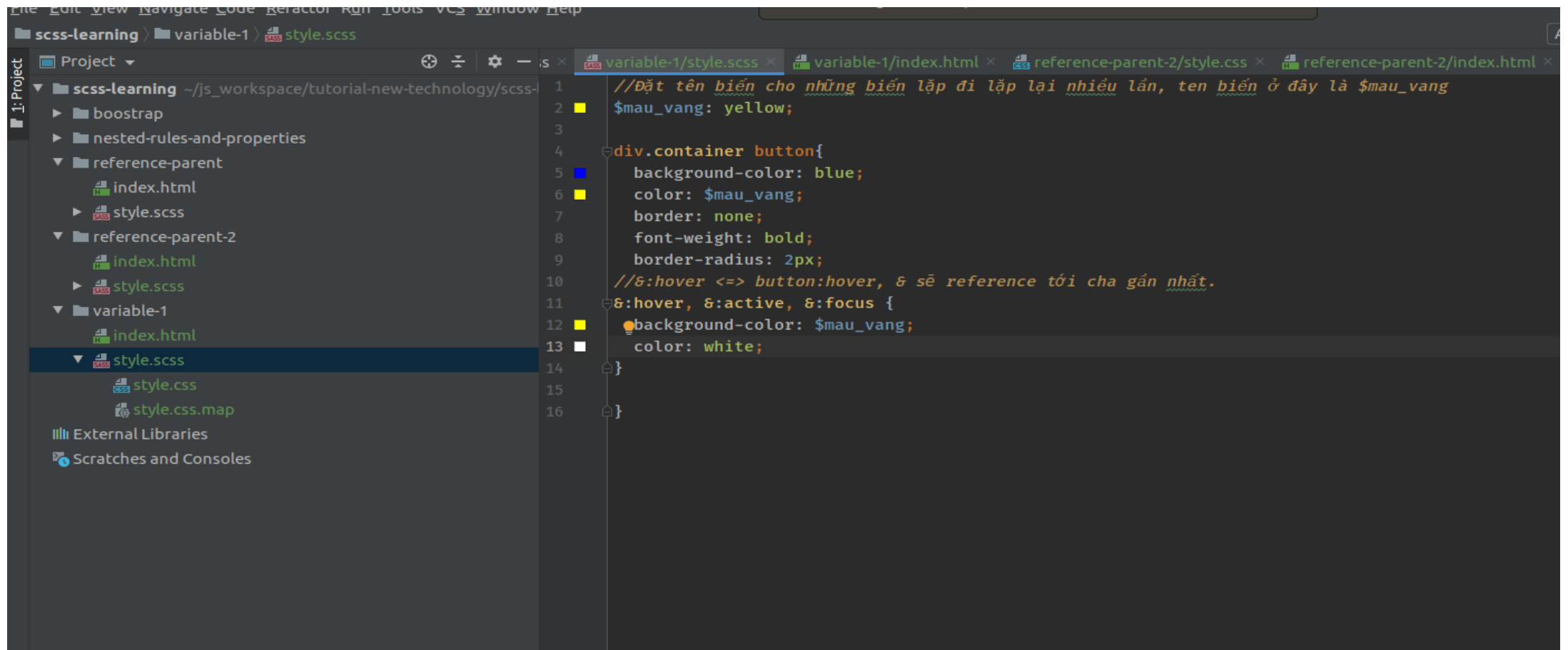
The top toolbar includes buttons for File, Edit, View, Navigate, Code, Refactor, Run, Tools, VCS, and Window. The top status bar shows "Add Configura".

Scss tutorial

2. Cú pháp viết scss (Từ cơ bản đến phức tạp)

2.3. Đặt tên biến:

- Đối với những biến lặp đi lặp lại nhiều lần, ta nên đặt tên biến và sử dụng



The screenshot shows a code editor with a project structure on the left and SCSS code in the main editor. The project structure includes folders like 'bootstrap', 'nested-rules-and-properties', 'reference-parent', and 'variable-1'. The 'variable-1' folder is selected, showing 'index.html' and 'style.scss'. The 'style.scss' file is open in the editor, displaying the following code:

```
1 //Đặt tên biến cho những biến lặp đi lặp lại nhiều lần, tên biến ở đây là $mau_vang
2 $mau_vang: yellow;
3
4 div.container button{
5     background-color: blue;
6     color: $mau_vang;
7     border: none;
8     font-weight: bold;
9     border-radius: 2px;
10
11     //&:hover <=> button:hover, & sẽ reference tới cha gần nhất.
12     &:hover, &:active, &:focus {
13         background-color: $mau_vang;
14         color: white;
15     }
16 }
```